

**Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

**Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



## **Điều 27. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp

2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

3. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

## **Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;



b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 29. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự như cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông thường.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.



3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

### **Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với họp trực tuyến. Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn hình thức họp cho phù hợp. Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đã có mặt tại đại hội đăng ký hết theo trình tự sau::

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, và phiếu bầu (nếu có) trên đó ghi số đăng ký, tên cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền thông tin cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền và số phiếu cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tọa phiên họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;



d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào các tình trạng “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” cho từng vấn đề vào phiếu biểu quyết. Khi thực hiện biểu quyết xong, cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp bỏ các Phiếu biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định pháp luật.



### **Điều 32. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 33. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.



4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 34. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:



a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 35. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Điều 36. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:



1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 37. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **Mục 2**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 38. Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các chức danh khác tương đương; quyết định tiền



lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của họ;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

### **Điều 39. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp bầu thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ tương ứng.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.



#### **Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ trung cấp trở lên, hiểu biết pháp luật;

c) Có kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp;

d) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

b) Quyền đề cử ứng viên:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 03 ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 04 ứng viên.



- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 05 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 41. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị là người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.



5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 42. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Có đề nghị của Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này



không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đầy đủ, đúng như quy định.

#### **Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;



g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

#### **Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện như sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu gửi văn bản yêu cầu đến người quản lý được yêu cầu. Văn bản yêu cầu phải có đầy đủ các nội dung: họ, tên, chức vụ người yêu cầu; họ, tên, chức vụ người được yêu cầu; thông tin, tài liệu yêu cầu cung cấp; mục đích sử dụng thông tin, tài liệu; thời hạn cung cấp.

Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu được gửi trực tiếp đến người quản lý được yêu cầu hoặc gửi về trụ sở chính của công ty; bộ phận văn thư công ty có trách nhiệm chuyển văn bản này đến người quản lý được yêu cầu ngay trong ngày nhận được văn bản.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; trường hợp cần gia hạn thời gian cung cấp thông tin, tài liệu thì người quản lý được yêu cầu phải có văn bản xin gia hạn thời gian cung cấp gửi đến thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu trước khi thời hạn cung cấp kết thúc ít nhất 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do xin gia hạn và kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh việc xin gia hạn là có cơ sở.



**Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

Thành viên Hội đồng quản trị thuộc các trường hợp nói tại khoản này chính thức bị miễn nhiệm (không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị) kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm.

2. Khi cổ đông rút ủy quyền đại diện quản lý vốn góp cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị thì cổ đông đó có thể cử người đại diện ủy quyền khác thay thế; khi đó, người đại diện ủy mới của cổ đông sẽ được công nhận là thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thông qua. Tuy nhiên, thành viên Hội đồng quản trị thay thế này cần phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại phiên họp gần nhất; nếu Đại hội đồng cổ đông không phê chuẩn thành viên Hội đồng quản trị thay thế này thì Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành bầu bổ sung tại phiên họp này hoặc phiên họp kế tiếp gần nhất.

Mọi nghị quyết của Hội đồng quản trị có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là hợp pháp, nếu thành viên Hội đồng quản trị thay thế không được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sau đó.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị lãnh đạo công ty hoạt động kinh doanh bị thua lỗ liên tục quá một nửa thời hạn của nhiệm kỳ thì sẽ bị miễn nhiệm toàn bộ các thành viên của nhiệm kỳ đó; Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành họp để bầu lại toàn bộ số thành viên Hội đồng quản trị này theo trình tự thủ tục chung.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

d) Thành viên Hội đồng quản trị tham ô tài sản của công ty, cố ý làm trái quy định của pháp luật, Điều lệ công ty gây thiệt hại về tài sản, uy tín, thương hiệu của công ty thì sẽ bị bãi nhiệm ngay lập tức kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra



văn bản kết luận sau khi đã tập hợp đầy đủ bằng chứng chứng minh về hành vi sai phạm của thành viên đó mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết bãi nhiệm, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều này.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

7. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 của Điều này, theo đề nghị của trên một nửa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với bất kể thành viên Hội đồng quản trị nào khi xét thấy cần thiết và vì lợi ích của công ty.

#### **Điều 46. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong



việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 47. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của tiểu ban là tối thiểu 1 người. Chức năng, nhiệm vụ, nhiệm kỳ, số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định khi thành lập. Người đứng đầu mỗi tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị, ưu tiên là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 48. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và giải quyết các công việc khác liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Phụ trách công tác chuẩn bị cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về trình tự, thủ tục tiến hành các cuộc họp, ban hành các nghị quyết, quyết định của công ty;

d) Tham dự các cuộc họp của công ty;

đ) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e) Phụ trách công tác công bố thông tin, báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Mục 3**

## **GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 49. Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty.



2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính của công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Được đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/bỏ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quan lý cấp cao của công ty, gồm: Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác, Luật sư của công ty.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương, thưởng của Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo



cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

#### **Điều 50. Phó giám đốc**

1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một (hoặc một số) người làm Phó giám đốc công ty. Phó giám đốc giúp Giám đốc điều hành công ty trong từng lĩnh vực công tác theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công, ủy quyền.

Phó giám đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn, đề xuất để Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi đã tham khảo ý kiến của Giám đốc.

2. Phó giám đốc được ký thay Giám đốc đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Giám đốc thuộc phạm vi, lĩnh vực công tác thường xuyên đã được Giám đốc phân công; và các văn bản thuộc lĩnh vực công tác khác nếu được Giám đốc ủy quyền bằng văn bản tại thời điểm ký.

#### **Điều 51. Kế toán trưởng**

1. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm.

2. Kế toán trưởng có quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật về Kế toán, Điều lệ công ty và các quy phạm quản lý nội bộ do công ty ban hành.

#### **Điều 52. Thư ký công ty**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Thư ký công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký công ty.

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị công ty quy định.

#### **Điều 53. Cán bộ quản lý khác**

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty trong từng thời điểm, Giám đốc xây dựng phương án nhân sự cụ thể để trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, quyết định.



## **Mục 4**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 54. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát công ty có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Phiên họp Ban kiểm soát chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02/03 Kiểm soát viên tham dự.

4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, đại diện tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính của công ty tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

5. Các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên Kiểm soát viên dự họp; họ, tên Kiểm soát viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng Kiểm soát viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Kiểm soát viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và Kiểm soát viên tham dự.

Chủ tọa, người ghi biên bản và Kiểm soát viên tham dự phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

#### **Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;



b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc công ty và người quản lý khác của công ty;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

e) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty hoặc công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:

a) Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 40 Điều lệ này.

b) Quyền đề cử ứng viên:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 03 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 56. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;



b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;

c) Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên;

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập;

e) Ký các văn bản của Ban kiểm soát;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có người được ủy quyền thì Kiểm soát viên có số phiếu trúng cử cao nhất trong số những Kiểm soát viên còn lại sẽ giữ chức Trưởng Ban kiểm soát thay thế.

4. Trưởng Ban kiểm soát có thể bị bãi miễn theo quyết định của Ban kiểm soát.

### **Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.



7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

19. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện như sau:

a) Ban kiểm soát có yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu gửi văn bản yêu cầu đến người quản lý được yêu cầu. Văn bản yêu cầu phải có đầy đủ các nội dung: họ, tên, chức vụ người yêu cầu; họ, tên, chức vụ người được yêu cầu; thông tin, tài liệu yêu cầu cung cấp; mục đích sử dụng thông tin, tài liệu; thời hạn cung cấp.

Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu được gửi trực tiếp đến người quản lý được yêu cầu hoặc gửi về trụ sở chính của công ty; bộ phận văn thư công ty có trách nhiệm chuyển văn bản này đến người quản lý được yêu cầu ngay trong ngày nhận được văn bản.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát; trường hợp cần gia hạn thời gian cung cấp thông tin, tài liệu thì người quản lý được yêu cầu phải có văn bản xin gia hạn thời gian cung cấp gửi đến Ban kiểm soát có yêu cầu trước khi thời hạn cung cấp kết thúc ít nhất 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do xin gia hạn và kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh việc xin gia hạn là có cơ sở.

#### **Điều 59. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân



hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 60. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

#### **Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định miễn nhiệm tư cách Kiểm soát viên đối với bất kể Kiểm soát viên nào khi xét thấy cần thiết và vì lợi ích của công ty.

### **Mục 5 MINH BẠCH LỢI ÍCH**

#### **Điều 62. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:



1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Điều lệ này và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan (*Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu*) của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được



sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

**Điều 63. Nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 68 của Điều lệ này

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

**Điều 64. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn nếu Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:



a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 39 của Điều lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 65. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của công ty hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

## **CHƯƠNG IV LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 66. Tuyển dụng lao động**

1. Giám đốc có quyền tuyển dụng, trả lương và các chế độ, phúc lợi xã hội khác cho lao động theo thẩm quyền đã được quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động trong việc sử dụng lao động của công ty. Giám đốc có quyền đề ra Nội quy công ty, các nhân viên công ty phải tuân thủ theo Nội quy công ty. Nội quy này phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị trước khi áp dụng.

3. Hàng năm, Giám đốc phải lập kế hoạch về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội và các khoản phúc lợi xã hội khác đối với cán bộ quản lý thuộc quyền và người lao động để Hội đồng quản trị thông qua.

### **Điều 67. Công đoàn**

Công ty tôn trọng quyền và tạo điều kiện thuận lợi để cho người lao động tham gia hoạt động công đoàn, đoàn thể theo quy định của pháp luật. Công ty bảo đảm trích nộp kinh phí công đoàn đầy đủ theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG V PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ**

### **Điều 68. Phân phối lợi nhuận**

Hàng năm, lợi nhuận sau thuế của công ty sẽ được phân phối như sau:

1. Bù lỗ năm trước.
2. Trích lập các quỹ.
3. Trả cổ tức.

Việc trích lập các quỹ, trả cổ tức hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

### **Điều 69. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi được quy định tại Nghị quyết phát hành cổ phần ưu đãi của Đại hội đồng cổ đông.



2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Luật chứng khoán. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

## **Điều 70. Xử lý lỗ**

Hàng năm, nếu phát sinh lỗ trong kinh doanh, công ty sẽ sử dụng lợi nhuận của năm sau để bù lỗ cho năm trước, trích quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ. Hội đồng quản trị



quyết định lựa chọn biện pháp xử lý lỗ cụ thể khi phát sinh lỗ và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất.

## **CHƯƠNG VI**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 71. Tài khoản ngân hàng**

Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ở Việt Nam để thực hiện các giao dịch về tài chính thông qua tài khoản của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 72. Năm tài chính**

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **Điều 73. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **CHƯƠNG VII**

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 74. Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý công ty của Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo đánh giá công tác điều hành công ty của Ban giám đốc.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Ban kiểm soát phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Báo cáo đánh giá công tác giám sát của Ban kiểm soát.



5. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Điều 75. Công bố thông tin**

Công ty phải thực hiện đúng các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG VIII KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 76. Kiểm toán công ty**

1. Tại phiên họp thường niên hằng năm, theo đề xuất của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm Báo cáo tài chính năm của công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty được tham dự các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, được nhận các văn bản, tài liệu liên quan đến phiên họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến, trả lời tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính, trong trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

## **CHƯƠNG IX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 77. Chấm dứt hoạt động**

Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

1. Công ty bị giải thể;
2. Công ty phá sản;
3. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

**Điều 78. Giải thể công ty**

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- c) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.



Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

#### **Điều 79. Thanh lý**

1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 05 thành viên, gồm có: 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 02 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ban thanh lý thay mặt công ty để thực hiện tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của công ty;
- e) Phần tiền còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các chi phí, các khoản nợ nói tại điểm a, b, c, d của khoản này sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

#### **Điều 80. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể**

1. Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm công ty, người quản lý công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của công ty;
- d) Ký kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể công ty;
- đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

#### **Điều 81. Phá sản công ty**

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.



## **CHƯƠNG X**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 82. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác của công ty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải nói tại Khoản 1 của Điều này không thành thì các bên có tranh chấp đều có quyền đưa vụ việc tranh chấp ra Trung tâm trọng tài Thương mại hoặc Toà án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi công ty đặt trụ sở chính để giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 83. Điều khoản cuối cùng**

1. Điều lệ này gồm có 11 Chương, 83 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc chữ ký của tối thiểu trên một nửa tổng số thành viên Hội đồng quản trị của công ty thì mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

  
**Nguyễn Hữu Thuận**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**---o0o---**

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG**  
**NGHỆ VĂN LANG**

**(Sửa đổi, bổ sung ngày 22/04/2025)**

***Hà Nội, tháng 04 năm 2025***



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Giải thích các thuật ngữ .....	1
<b>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>2</b>
Mục 1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	2
Mục 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP .....	3
Điều 4. Trình tự, thủ tục thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	3
Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp .....	4
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	4
Điều 7. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	4
Điều 8. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 9. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	5
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông .....	6
Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu .....	6
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu .....	7
Điều 14. Điều kiện đề nghị quyết đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	8
Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu kiểm phiếu .....	8
Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	10
Điều 18. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .....	10
Mục 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 19. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản.....	11
Điều 20. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	11
Mục 4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN.....	13
Điều 21. Các trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến.....	13
Điều 22. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....	13
Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội cổ đông trực tuyến .....	13
Điều 24. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông trực tuyến.....	13
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông trực tuyến.....	13
Điều 26. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến.....	14
Điều 27. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến.....	14
Điều 28. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến.....	14
Điều 29. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp trực tuyến .....	14



Điều 30. Công bố nghị quyết Đại hội cổ đông .....	14
Mục 5. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	14
THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỌP VỚI TRỰC TUYẾN.....	14
Điều 31. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.....	14
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>14</b>
Điều 32. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị .....	14
Điều 33. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	20
Điều 35. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị .....	20
Điều 36. Người phụ trách quản trị công ty.....	23
<b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>24</b>
Điều 37. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	24
Điều 38. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên ban kiểm soát.....	26
<b>CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>29</b>
Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	29
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc .....	30
<b>CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>31</b>
Điều 41. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc .....	31
Điều 42. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc.....	31
Điều 43. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị .....	31
Điều 44. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao .....	31
Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Giám đốc Hội đồng quản trị với Giám đốc.....	32
Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc .....	32
<b>CHƯƠNG VII .....</b>	<b>33</b>
<b>ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>	<b>33</b>
Điều 47. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 48. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Ban kiểm soát .....	33
Điều 49. Đánh giá hàng năm đối với Giám đốc và người điều hành khác .....	34



<b>CHƯƠNG VII .....</b>	<b>34</b>
<b>Điều 50. Hiệu lực thi hành .....</b>	<b>34</b>



Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

## **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 22 tháng 04 năm 2025

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (sửa đổi)

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang bao gồm các nội dung sau:

### **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích các thuật ngữ**

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
2. Luật chứng khoán là Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.



3. Điều lệ là Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/09/2021.
4. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.
5. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
6. Cổ phần đã bán là cổ phần được quyền chào bán và đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty.
7. Cổ phần được quyền chào bán là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.
8. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho công ty.
9. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.
10. Người nội bộ là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
11. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp sau đây:
  - a) Người nội bộ của công ty;
  - b) Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;
  - c) Bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người nội bộ của công ty;
  - d) Doanh nghiệp mà các cá nhân, tổ chức quy định tại điểm a, b, c khoản này có sở hữu vốn đến mức chi phối việc ra quyết định của doanh nghiệp đó;
  - đ) Và một số trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

## **CHƯƠNG II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Mục 1**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định



cao nhất của công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển công ty, kế hoạch kinh doanh của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 71 của Điều lệ công ty;
- o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Mục 2**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP**

#### **Điều 4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu



cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Tổng công ty lưu ký và bù từ chứng khoán Việt Nam (VSDC) để đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

#### **Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của công ty.

#### **Điều 7. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp

2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;

3. Thông báo mời họp và tài liệu gửi kèm được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Các cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông tải tài liệu họp từ trang thông tin điện tử của công ty để sử dụng theo hướng dẫn tại Thông báo mời họp. Thông báo mời họp và tài liệu gửi kèm đồng thời được gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nội dung, chương trình cuộc họp phải là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo đúng như quy định tại điều 7 của Quy chế này.

2. Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp.

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- b) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm a khoản này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm a khoản này;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.



2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

#### **Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp, đã có mặt, đăng ký hết.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Trường hợp Thông báo mời họp đã nêu rõ cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo.

#### **Điều 11. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu**

1. Phiếu biểu quyết sẽ được Ban tổ chức cấp cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tại thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông, trên đó thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Số đăng ký/mã số của cổ đông;

b) Họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có);



- c) Số cổ phần mà cổ đông đó đang nắm giữ hoặc Người được uỷ quyền dự họp được uỷ quyền;
- d) Vấn đề cần biểu quyết
- đ) Tình trạng biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến);

2. Trong trường hợp nội dung cuộc họp có thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thì công ty sẽ cấp cho cổ đông phiếu bầu cử. Trong đó, phiếu bầu cử sẽ bao gồm các thông tin sau:

- a) Số đăng ký/mã số của cổ đông;
- b) Họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên Người được uỷ quyền dự họp (nếu có);
- c) Số cổ phần mà cổ đông đó đang nắm giữ hoặc Người được uỷ quyền dự họp được uỷ quyền;
- d) Danh sách ứng viên;
- đ) Tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp.

3. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp thực hiện biểu quyết trên Phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào các tình trạng “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” cho từng vấn đề. Đồng thời, các cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp phải tuân theo sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

4. Khi thực hiện biểu quyết xong, cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp bỏ các Phiếu biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

### **Điều 13. Cách thức kiểm phiếu**

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- a) Tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử.
- b) Lập biên bản và công bố công khai Biên bản kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.
- c) Bàn giao Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- d) Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số liệu, kiểm tra, lập biên bản kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra các phiếu biểu quyết và tổng hợp các nội dung sau:

- a) Tổng số cổ đông/người địa diện được uỷ quyền của cổ đông tham dự họp và tổng số phiếu biểu quyết phát ra, và thu lại;
- b) Số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;



- c) Tổng số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với từng vấn đề, trong đó các phiếu biểu quyết trắng sẽ được coi là không biểu quyết đối với vấn đề được nêu lên trong phiếu biểu quyết.

**Điều 14. Điều kiện để nghị quyết đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e) Thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ lập Biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu ngay trước khi ban thư ký lập biên bản cuộc họp.

2. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thời gian và địa điểm diễn ra việc kiểm phiếu;



- b) Thành phần ban kiểm phiếu;
- c) Tổng số cổ đông và tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự họp, tổng số phiếu biểu quyết phát ra và thu về tương ứng;
- d) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với từng vấn đề và tỷ lệ biểu quyết tương ứng.
- đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

3. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

#### **Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong trường hợp cổ đông phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì có thể yêu cầu thư ký đại hội ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp hoặc có văn bản gửi đến công ty về việc phản đối nghị quyết. Văn bản phải ghi rõ tên, mã số cổ đông, nội dung phản đối và lý do phản đối.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 2 điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.



**Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

**Điều 18. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



### Mục 3

## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### **Điều 19. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 20. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của cổ đông công ty đối với các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này;
3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
  - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;



- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



**Mục 4**  
**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẰNG HÌNH THỨC**  
**HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN**

**Điều 21. Các trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến.**

Bên cạnh hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (họp trực tiếp), cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến khi xảy ra các trường hợp sau đây: (1) Các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, bạo động, khủng bố, các quyết định cấm hoặc hạn chế của Nhà nước; (2) Các sự kiện khách quan mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện, không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

**Điều 22. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.**

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như cách thức mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

**Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.

2. Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi đã kê khai và xác thực tư cách cổ đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của cổ đông là duy nhất và mỗi cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến lại một thời điểm nhất định.

**Điều 24. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông trực tuyến**

Cổ đông thực hiện ủy quyền cho người khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bằng các phương thức như sau:

1. Lập văn bản ủy quyền hợp lệ theo mẫu giấy ủy quyền của công ty và gửi về công ty theo địa chỉ trong Thông báo mời họp.

2. Đăng ký ủy quyền theo đường dẫn được Ban tổ chức đại hội công bố kèm theo thông báo mời họp.

**Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông trực tuyến**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ quy định tại Điều 11 của Quy chế này.



**Điều 26. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.

**Điều 27. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Ban tổ chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của cổ đông. Ban kiểm phiếu sẽ chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

**Điều 28. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến**

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn hành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

**Điều 29. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp trực tuyến**

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

**Điều 30. Công bố nghị quyết Đại hội cổ đông**

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này.

**Mục 5****TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA  
NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI  
TRỰC TUYẾN****Điều 31. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

Căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT có thể quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức tổ chức trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Hội đồng quản trị sẽ quy định trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức tổ chức trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại Quy chế tổ chức cuộc họp ban hành kèm theo Thông báo mời họp.

**CHƯƠNG III****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 32. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc



thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 của Điều lệ công ty;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các chức danh khác tương đương; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của họ;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.



4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại **Điều 44 Điều lệ công ty**, cụ thể như sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được thực hiện như sau:
  - Thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu gửi văn bản yêu cầu đến người quản lý được yêu cầu. Văn bản yêu cầu phải có đầy đủ các nội dung: họ, tên, chức vụ người yêu cầu; họ, tên, chức vụ người được yêu cầu; thông tin, tài liệu yêu cầu cung cấp; mục đích sử dụng thông tin, tài liệu; thời hạn cung cấp.
  - Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu được gửi trực tiếp đến người quản lý được yêu cầu hoặc gửi về trụ sở chính của công ty; bộ phận văn thư công ty có trách nhiệm chuyển văn bản này đến người quản lý được yêu cầu ngay trong ngày nhận được văn bản.
  - Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; trường hợp cần gia hạn thời gian cung cấp thông tin, tài liệu thì người quản lý được yêu cầu phải có văn bản xin gia hạn thời gian cung cấp gửi đến thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu trước khi thời hạn cung cấp kết thúc ít nhất 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do xin gia hạn và kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh việc xin gia hạn là có cơ sở.

### **Điều 33. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

#### **1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.**

- a) Hội đồng quản trị có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp bầu thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ tương ứng.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Công ty có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.



- c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

## **2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ trung cấp trở lên, hiểu biết pháp luật;
- c) Có kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

## **3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.**

Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị như sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 03 ứng viên;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 04 ứng viên.
- đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 05 ứng viên.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;



- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

#### **4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.**

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu vào Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền bầu dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên cần bầu. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

#### **5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.**

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

Thành viên Hội đồng quản trị thuộc các trường hợp nói tại điểm này chính thức bị miễn nhiệm (không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị) kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm.

b) Khi cổ đông rút ủy quyền đại diện quản lý vốn góp cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị thì cổ đông đó có thể cử người đại diện ủy quyền khác thay thế; khi đó, người đại diện ủy mới của cổ đông sẽ được công nhận là thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thông qua. Tuy nhiên, thành viên Hội đồng quản trị thay thế này cần phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại phiên họp gần nhất; nếu Đại hội đồng cổ đông không phê chuẩn thành viên Hội đồng quản trị thay thế này thì Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành bầu bổ sung tại phiên họp này hoặc phiên họp kế tiếp gần nhất.



Mọi nghị quyết của Hội đồng quản trị có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là hợp pháp, bao gồm trường hợp thành viên Hội đồng quản trị thay thế không được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sau đó.

c) Trường hợp Hội đồng quản trị lãnh đạo công ty hoạt động kinh doanh bị thua lỗ liên tục quá một nửa thời hạn của nhiệm kỳ thì sẽ bị miễn nhiệm toàn bộ các thành viên của nhiệm kỳ đó; Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành họp để bầu lại toàn bộ số thành viên Hội đồng quản trị này theo trình tự thủ tục chung.

d) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị tham ô tài sản của công ty, cố ý làm trái quy định của pháp luật, Điều lệ công ty gây thiệt hại về tài sản, uy tín, thương hiệu của công ty thì sẽ bị bãi nhiệm ngay lập tức kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản kết luận sau khi đã tập hợp đầy đủ bằng chứng chứng minh về hành vi sai phạm của thành viên đó mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết bãi nhiệm, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

đ) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản này.

e) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;
- Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

g) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, theo đề nghị của trên một nửa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm, Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với bất kể thành viên Hội đồng quản trị nào khi xét thấy cần thiết và vì lợi ích của công ty.

## **6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.**



Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố thông tin rõ ràng, và được thực hiện theo quy định pháp luật.

#### **8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

#### **Điều 34. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại phiên họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 35. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị**

##### **1. Số lượng cuộc họp tối thiểu.**



Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

## **2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.**

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.

b) Đề nghị quy định tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

## **3. Thông báo họp Hội đồng quản trị.**

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

## **4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.**

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

## **5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.**

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

## **6. Cách thức biểu quyết.**



a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

#### **7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.**

- a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đầy đủ, đúng như quy định.

#### **8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.**

- a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Thời gian, địa điểm họp;
  - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;



- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này.
- b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

#### **10. Trường hợp chủ tọa hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị.**

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung còn lại theo quy định tại các điểm a khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

#### **11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo tới Ban kiểm soát, để giám sát, và tới Ban giám đốc, để thực hiện. Đối với những Nghị quyết của Hội đồng quản trị bắt buộc phải công bố thông tin thì phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của tiểu ban là tối thiểu 1 người. Chức năng, nhiệm vụ, nhiệm kỳ, số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định khi thành lập. Người đứng đầu mỗi tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị, ưu tiên là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty**

##### **1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty.**



Người phục trách quản trị công ty là người có hiểu biết pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.

## **2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.**

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

## **3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.**

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bất cứ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

## **4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.**

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và giải quyết các công việc khác liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Phụ trách công tác chuẩn bị cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về trình tự, thủ tục tiến hành các cuộc họp, ban hành các nghị quyết, quyết định của công ty;
- d) Tham dự các cuộc họp của công ty;
- đ) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- e) Phụ trách công tác công bố thông tin, báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 38. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

#### **1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.**

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- đ) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
- e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- k) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- l) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- m) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- n) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- o) Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
- p) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

1907  
TY  
ÂN-  
ÁT TH  
GHỆ  
NG  
TP.



- q) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- r) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- s) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.
- t) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## **2. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.**

- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- đ) Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
- e) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

## **Điều 39. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên ban kiểm soát**

### **1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

- a) Ban kiểm soát công ty có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.**

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;



- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc công ty và người quản lý khác của công ty;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- đ) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- e) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty hoặc công ty kiểm toán độc lập đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

### **3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.**

Việc đề cử, ứng cử Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 02 ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 03 ứng viên.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại các công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

### **4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát.**



Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

#### **5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.**

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Kiểm soát viên là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

Kiểm soát viên thuộc các trường hợp nói tại khoản này chính thức bị miễn nhiệm (không còn tư cách Kiểm soát viên) kể từ thời điểm Ban kiểm soát họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm.

b) Khi cổ đông rút ủy quyền đại diện quản lý vốn góp cổ phần của Kiểm soát viên thì cổ đông đó có thể cử người đại diện ủy quyền khác thay thế; khi đó, người đại diện ủy mới của cổ đông sẽ được công nhận là Kiểm soát viên mới thay thế Kiểm soát viên bị miễn nhiệm kể từ thời điểm Ban kiểm soát họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thông qua. Tuy nhiên, Kiểm soát viên thay thế này cần phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tại phiên họp gần nhất; nếu Đại hội đồng cổ đông không phê chuẩn Kiểm soát viên thay thế này thì Đại hội đồng cổ đông phải tiến hành bầu bổ sung tại phiên họp này hoặc phiên họp kế tiếp gần nhất.

Mọi nghị quyết của Ban kiểm soát có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát thay thế vẫn được coi là hợp pháp, nếu thành viên Ban kiểm soát thay thế không được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn sau đó.

c) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



- d) Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét, quyết định miễn nhiệm tư cách Kiểm soát viên đối với bất kể Kiểm soát viên nào khi xét thấy cần thiết và vì lợi ích của công ty.

**6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.**

- a) Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## **CHƯƠNG V GIÁM ĐỐC**

**Điều 40. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc**

**1. Vai trò của Giám đốc.**

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

**2. Quyền và nghĩa vụ của giám đốc.**

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;



- i) Được đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/bỏ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quan lý cấp cao của công ty, gồm: Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp, tổ chức khác, Luật sư của công ty.
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc**

##### **1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc.**

- a) Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:
  - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;
  - Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính của công ty.

##### **2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc.**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty.

##### **3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc.**

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

##### **4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc.**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

##### **5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.**

Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương, thưởng của Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm.



**CHƯƠNG VI**  
**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**  
**BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

**Điều 42. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 35 Quy chế này.

**Điều 43. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Giám đốc**

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến Ban kiểm soát và Giám đốc cùng thời điểm như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 44. Các trường hợp Ban kiểm soát và Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

1. Ban kiểm soát đề nghị họp Hội đồng quản trị trong trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của công ty hoặc các trường hợp khác mà Ban kiểm soát xét thấy cần thiết để nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông, của công ty.

2. Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và xin ý kiến Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Có xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc;
- b) Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Phát sinh các vấn đề ngoài thẩm quyền của Giám đốc.

**Điều 45. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Giám đốc thực hiện báo cáo cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc cho Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung sau:

- a) Kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các công việc khác được Hội đồng quản trị uỷ quyền;
- b) Tình hình triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt;
- c) Các vấn đề cần xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong hoạt động điều hành công ty của Giám đốc;
- d) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.



**Điều 46. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Giám đốc Hội đồng quản trị với Giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các công việc khác được Hội đồng quản trị uỷ quyền, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện Giám đốc.

**Điều 47. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

1. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị về các vấn đề sau đây:

- a) Các nội dung tại điều 45 của Quy chế này.
- b) Các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty mà thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu Giám đốc phải cung cấp.
- c) Các nội dung khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát về các vấn đề sau đây:

- a) Các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty mà thành viên Ban kiểm soát yêu cầu Giám đốc phải cung cấp.
- b) Các nội dung khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Việc báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện bằng cách thức phù hợp, nhưng phải đảm bảo đầy đủ, chính xác và kịp thời.

**Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc**

**1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.**

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
- b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban kiểm soát thực hiện quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT theo quy định.
- c) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- d) Hội đồng quản trị phải đảm bảo tất cả các Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng phương thức và thời điểm như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.



- d) Ngoài các thông tin được báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty.
- e) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ban kiểm soát để trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

## **2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc.**

- a) Hội đồng quản trị phải đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Giám đốc thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- b) Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nghị quyết, nếu phát sinh các vấn đề bất lợi cho Công ty, Giám đốc có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị xem xét điều chỉnh lại Nghị quyết cho phù hợp.
- c) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty và việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- d) Giám đốc phải tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ nhất.

## **3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc.**

- a) Giám đốc thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- b) Giám đốc phải tạo mọi điều kiện để Kiểm soát viên được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ nhất.
- c) Các báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng phương thức và thời điểm như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 49. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty trên cơ sở các công việc được Chủ tịch Hội đồng quản trị giao, phân công, uỷ quyền thực hiện trong năm.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của công ty.

#### **Điều 50. Đánh giá hàng năm đối với thành viên Ban kiểm soát**

- 1. Trưởng Ban kiểm soát quyết định đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên Ban kiểm soát đối với công ty trên cơ sở các công việc được Trưởng Ban kiểm soát giao, phân công, uỷ quyền thực hiện trong năm.





2. Trưởng Ban kiểm soát quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên Trưởng Ban kiểm soát phù hợp với quy định của công ty.

**Điều 51. Đánh giá hàng năm đối với Giám đốc và người điều hành khác**

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động đối với Giám đốc và người điều hành khác.

**CHƯƠNG VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 52. Hiệu lực thi hành**

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang bao gồm 52 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/04/2025.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Nguyễn Thành Tiến**



Số: 40/2025/TTr- HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Tiếp tục nghiên cứu Dự án Hợp tác đầu tư kinh doanh Dự án 16ha tại xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình**

### **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐVLA ngày 19/02/2024;

Ngày 19/02/2024 ĐHĐCĐ thường niên 2024 đã thông qua tờ trình số 38/2024 TTr-HĐQT ngày 24/01/2024. “ V/V xin chủ trương Hợp tác đầu tư góp vốn kinh doanh Dự án 16ha tại xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.”

Trên cơ sở đó HĐQT cùng Ban điều hành Công ty đã triển khai từng bước đối với chủ trương đề xuất.

Công ty đã tiến hành khảo sát thực tế và tìm hiểu nhu cầu phát triển kinh doanh dự án nói chung và mô hình dự án khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và các vùng lân cận địa phương.

Căn cứ vào kết quả khảo sát nghiên cứu sơ bộ thì dự án có nhiều tiềm năng nhưng hiện nay còn vướng mắc về một số thủ tục pháp lý, các chính sách nhà nước chưa đồng bộ để triển khai dự án và nhu cầu thị trường sử dụng dịch vụ chưa cao.

Vì vậy HĐQT báo cáo đề xuất ĐHCĐ chấp thuận cho HĐQT, Ban điều hành Công ty tiếp tục nghiên cứu dự án Hợp tác đầu tư dự án trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

Kính trình ĐHCĐ xem xét, chấp thuận đề xuất.

Kính trình!

**Nơi nhận:**

- Như trên:kính trình
- Lưu Văn thư



**Nguyễn Thành Tiến**



## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản và thực hiện các giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang.**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang;
- Căn cứ nhu cầu của hoạt động kinh doanh thực tế.

Thực hiện chủ trương mở rộng kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Nhằm đảm bảo công tác điều hành hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp của Công ty kịp thời, hiệu quả trong thời gian giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nay Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông theo qui định của Pháp luật và Điều lệ công ty như sau:

1. Thông qua việc đầu tư, hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tính tại thời điểm quyết định đầu tư hoặc bán tài sản.

2. Thông qua việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc ( Giám đốc), người quản lý khác không phải cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

3. Thông qua việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với người có liên quan sau đây:

+ Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần của Công ty và những người liên có liên quan của họ.

+ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác thuộc quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và người có liên quan của họ;

+ Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

4. Thông qua việc thành lập Công ty con, công ty liên kết



5. Thông qua việc góp vốn, mua cổ phần để đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác của các doanh nghiệp có tiềm năng trong tất cả các lĩnh vực, doanh nghiệp khởi nghiệp....

6. Thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện thủ tục thay đổi nội dung hoạt động trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh.

7. Sửa đổi điều lệ.

Đồng thời, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch, phương án chi tiết và thực hiện triển khai các nội dung trên, căn cứ vào nhu cầu phát sinh trong quá trình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2025, đảm bảo lợi ích của cổ đông, và Công ty. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo kết quả thực hiện trong Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua ./.

**Nơi nhận**

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Ban điều hành (T/h)





Số: 41/2025/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Ông Nguyễn Thành Tiến - Chủ tịch HĐQT mua cổ phiếu của cổ đông công ty để  
tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty mà không phải chào mua công khai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NND-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc ông Nguyễn Thành Tiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện mua cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang (mã chứng khoán VLA) từ các cổ đông khác, dẫn đến sở hữu của ông Tiến và những người liên quan đạt hoặc vượt các mức 35%, 45%, 55%, 65% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang mà không phải thực hiện chào mua công khai, theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán. Cụ thể như sau:

1. Tổng số cổ phần sở hữu theo danh sách chốt ngày 21/03/2025 của ông Nguyễn Thành Tiến và người có liên quan như sau:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ với người thực hiện giao dịch
1	Nguyễn Thành Tiến	458.170	11,46%	Chủ tịch HĐQT
1.1	Nguyễn Văn Thọ	160.950	4,03%	Bố ruột
1.2	Trần Thị Thanh Hoa	176.120	4,41%	Mẹ ruột
1.3	Nguyễn Thu Hà	375.347	9,39%	Em ruột
1.4	Vũ Thị Hiền Nhung	120.620	3,02%	Vợ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.291.207</b>	<b>32,31%</b>	

2. Danh sách các cổ đông chuyển nhượng cổ phiếu cho ông Tiến như sau:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ với Công ty
1	Nguyễn Hữu Thuận	399.600	10%	Phó CT. HĐQT – Giám đốc Công ty



2	Trần Quang Thịnh	95.090	2,38%	TV. HĐQT
	<b>Tổng cộng</b>	<b>494.690</b>	<b>12,38%</b>	

3. Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu dự kiến, của ông Nguyễn Thành Tiến và người có liên quan, sau khi mua như sau:

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Mối quan hệ với người thực hiện giao dịch
1	Nguyễn Thành Tiến	<b>952.860</b>	<b>23,85%</b>	Chủ tịch HĐQT
1.1	Nguyễn Văn Thọ	160.950	4,03%	Bố ruột
1.2	Trần Thị Thanh Hoa	176.120	4,41%	Mẹ ruột
1.3	Nguyễn Thu Hà	375.347	9,39%	Em ruột
1.4	Vũ Thị Hiền Nhung	120.620	3,02%	Vợ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.785.897</b>	<b>44,69%</b>	

HĐQT Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang xem xét và quyết định thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Tiến